|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ  **CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Yên Bái, ngày 29 tháng 6 năm 2023* |

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023**

Tình hình kinh tế thế giới 6 tháng đầu năm 2023 tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia. Nhất là hậu quả của dịch Covid-19 kéo dài, xung đột ở Ukraine, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lạm phát ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài dẫn đến suy giảm tăng trưởng, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều quốc gia. Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro bất ổn về tài chính, tiền tệ, bất động sản, an ninh năng lượng, lương thực, trên toàn cầu gia tăng.

Phát triển kinh tế trong nước chịu tác động mạnh từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về xuất khẩu, thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, tỷ giá; các chuỗi cung ứng bị đứt gãy; thu hút FDI bị ảnh hưởng do đầu tư toàn cầu sụt giảm. Sự mất cân đối trong cấu trúc thị trường bất động sản, giá cả hàng hóa tăng gây khó khăn cho kiềm chế lạm phát. Cùng với đó là ảnh hưởng của thời tiết bất thường (hiện tượng El nino) nắng nóng kéo dài gây hạn hán ở khắp cả nước dẫn đến thiếu hụt điện năng. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế trong nước được dự báo tiếp tục đà phục hồi, các cân đối lớn ổn định.

Kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái cùng chung với khó khăn trên, tiếp tục gặp không ít khó khăn, thách thức nhất định. Song với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ “Về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023”, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; cộng với sự phấn đấu khắc phục khó khăn của các địa phương, đơn vị sản xuất kinh doanh trong tỉnh. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ 6 tháng đầu năm trên địa bàn đạt được những kết quả nhất định trên từng ngành, từng lĩnh vực.

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Tổng sản phẩm trong tỉnh** (GRDP)

*Dự ước GRDP 6 tháng đầu năm tăng 6,59%, đây là mức tăng khá trong bối cảnh hậu quả dịch Covid-19 kéo dài, thị trường bất động sản trầm lắng, ảnh hưởng của thời tiết khô hạn (el nino) nhất là quy mô của doanh nghiệp trong tỉnh còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao.*

GRDP trong tỉnh 6 tháng đầu năm 2023 đạt 10.537.650 triệu đồng theo giá so sánh 2010, tăng 6,59% so cùng kỳ, trong đó quý I đạt 4.773.484 triệu đồng, tăng 6,32% và quý II đạt 5.764.166 triệu đồng, tăng 6,87%. Tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2023 thấp hơn so với kịch bản với nguyên nhân chủ yếu do ngành công nghiệp có mức tăng thấp (đặc biệt là ngành sản xuất điện). Tuy nhiên đây vẫn là mức tăng trưởng khá và đã khẳng định sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng.

Trong mức tăng GRDP 6,59% của kinh tế toàn tỉnh 6 tháng đầu năm theo giá so sánh: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt 2.612.410 triệu đồng, tăng 5,85% (cùng kỳ tăng 5,44%), trong đó quý I tăng 6,86% và quý II tăng 5,15%; đóng góp 1,46 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Khu vực Công nghiệp - xây dựng, một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh (thiếu đơn hàng, đầu ra sản phẩm gặp khó khăn, chi phí đầu vào tăng cao,...) nhưng tiếp tục đóng vai trò động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế đạt 3.206.565 triệu đồng, tăng 8,86% (cùng kỳ tăng 12,54%), trong đó quý I tăng 8,12% và quý II tăng 9,44%; đóng góp 2,64 điểm phần trăm, đây là khu vực có đóng góp lớn nhất trong các khu vực kinh tế. Khu vực Dịch vụ đạt 4.279.189 triệu đồng, tăng 5,54% (cùng kỳ tăng 5,69%), đóng góp 2,27 điểm phần trăm. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 439.485,9 triệu đồng, tăng 5,28% (cùng kỳ tăng 6,25%), đóng góp 0,22 điểm phần trăm.

Về cơ cấu kinh tế: Tổng GRDP theo giá hiện hành đạt 20.633.415 triệu đồng trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt 4.807.033 triệu đồng, chiếm 23,30% (cùng kỳ năm 2022 là 24,12%); khu vực Công nghiệp - xây dựng đạt 6.577.125 triệu đồng, chiếm 31,88% (cùng kỳ năm 2022 là 30,11%); khu vực Dịch vụ đạt 8.392.381 triệu đồng, chiếm 40,67% (cùng kỳ năm 2022 là 41,46%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 856.877 triệu đồng, chiếm 4,15% (cùng kỳ năm 2022 là 4,31%). Như vậy cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng ở khu vực Công nghiệp - xây dựng; giảm ở khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản và Dịch vụ.

**2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:**

*Sáu tháng đầu năm 2023,* *thời tiết diễn biến phức tạp, lốc xoáy, khô hạn ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất,* *song sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Yên Bái cơ bản đảm bảo ổn định, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Tiến độ chuẩn bị giống, gieo mạ, làm đất gieo cấy lúa Mùa sớm vùng cao được triển khai đảm bảo đúng khung thời vụ, chăn nuôi cũng phát triển ổn định; công tác chuẩn bị giống cây lâm nghiệp và tiến độ trồng rừng mới, phòng chống cháy rừng được tích cực thực hiện; công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được chú trọng.*

***a. Nông nghiệp***

\* Kết quả sơ bộ về diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng hàng năm vụ Đông xuân năm 2023 đạt như sau:

Về diện tích: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm sơ bộ vụ Đông xuân năm 2023 đạt 53.132,26 ha, tăng 0,35% (tăng 183,52 ha) so với cùng kỳ; trong đó: Diện tích lúa đạt 19.506,03 ha, tăng 0,03% (tăng 5,12 ha); diện tích ngô đạt 20.072,31 ha, giảm 0,81% (giảm 164,31 ha); diện tích cây lấy củ có chất bột đạt 2.206,41 ha, giảm 0,72% (Khoai lang đạt 2.142,07 ha, tăng 0,18%; Khoai sọ đạt 9,62 ha, giảm 23,04%); diện tích cây có hạt chứa dầu đạt 1.382,17 ha, tăng 2,85% (đậu tương đạt 29,41 ha, giảm 11,17%; lạc đạt 1.340,73 ha, tăng 3,37%); diện tích gieo trồng rau, đậu, hoa, cây cảnh đạt 8.362,78 ha, tăng 2,1% so với cùng kỳ;...

Về năng suất: Lúa đạt 56,21 tạ/ha, tăng 0,39%; ngô đạt 37,26 tạ/ha, tăng 1,06%; khoai lang đạt 58,10 tạ/ha, tăng 1,04%; đậu tương đạt 12,06 tạ/ha; lạc đạt 19,23 tạ/ha; rau các loại đạt 122,36 tạ/ha, đậu, đỗ các loại đạt 6,98 tạ/ha;…

Về sản lượng: Tổng sản lượng lương thực có hạt sơ bộ đạt 184.424,83 tấn, tăng 0,34% so với cùng kỳ. Trong đó: lúa đạt 109.643,29 tấn, tăng 0,42%; ngôđạt 74.781,54 tấn, tăng 0,24%.

Sản lượng một số cây trồng hàng năm như: Khoai lang đạt 12.446,44 tấn, tăng 1,22%; khoai sọ đạt 118,10 tấn; khoai tây đạt 541,78 tấn; đậu tương đạt 35,47 tấn, giảm 11,48%; lạc đạt 2.578,35 tấn, tăng 2,55%; rau các loại đạt 97.389,26 tấn, tăng 2,0%; đậu các loại đạt 212,22 tấn.

\* Cây lâu năm:

Tổng diện tích hiện có ước tính đạt 20.741,57 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,71%. Trong đó: Diện tích cây ăn quả các loại ước đạt đạt 9.814,11 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,82%, diện tích tăng ở một số cây ăn quả có diện tích lớn như: Thanh Long tăng 20,96%; Na tăng 13,72%; Chanh tăng 15,59%; Bưởi tăng 6,1%, Mắc ca tăng 49,2%,... Sản lượng cây ăn quả thu hoạch 6 tháng đầu năm ước đạt 15.828,51 tấn so với cùng kỳ tăng 0,38% (tăng 59,43 tấn), sản lượng tăng chủ yếu ở Thanh long (tăng 9,5 tấn), Ổi (tăng 10,48 tấn), Chanh (tăng 17,85 tấn), Mận (tăng 9,84 tấn),…

Diện tích cây cao su hiện có ước đạt 2.266,7 ha, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích cây chè hiện có ước đạt 7.430,82 ha,so với cùng kỳ năm trước tăng 0,08% (tăng 5,75 ha). Sản lượng ước đạt 35.001,5 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,81%.

Diện tích cây dâu tằm hiện có ước đạt 1.038,07 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,29%. Sản lượng ước đạt 7.727,8 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,92%.

*\* Chăn nuôi*

Ước tổng đàn gia súc chính hiện có đạt 705.687 con, tăng 4,87% so với cùng kỳ; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 33.135 tấn, tăng 5,82%. Trong đó: Đàn trâu 91.542 con, giảm 0,12%, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 1.953,17 tấn, giảm 2,01%; đàn bò 36.682 con, tăng 4,34%, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 693,94 tấn, tăng 5,07%; đàn lợn 577.463 con, tăng 5,74%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 30.488,01 tấn, tăng 6,38% so với cùng kỳ năm trước;…

Đàn gia cầm ước đạt 7.186,22 nghìn con tăng 4,3% so với cùng kỳ, (Đàn gà đạt 6.384,71 nghìn con, tăng 5,23%; đàn vịt, ngan, ngỗng đạt 704,8 nghìn con, giảm 1,22%). Sản lượng thịt hơi đàn gia cầm ước đạt 8.349,75 tấn, tăng 5,68% so với cùng kỳ, trong đó: Sản lượng thịt gà đạt 7.453,37 tấn, tăng 6,78% so với cùng kỳ năm trước;...

***b. Sản xuất lâm nghiệp***

Diện tích rừng trồng mới đạt 14.308,8 ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 92,3% kế hoạch. Trong đó: Rừng trồng mới tập trung đạt 9.565,9 ha tăng 2,71% so với cùng kỳ; Số cây phân tán đạt 4.742,9 nghìn cây (quy diện tích đạt 4.742,9 ha), tăng 5,0% so với cùng kỳ.

Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 46.798 ha, giảm 1,3% so cùng kỳ; diện tích rừng được giao khoán bảo vệ ước đạt 232.849 ha, giảm 0,2% so với cùng kỳ.

***c. Sản xuất Thuỷ sản***

Tổng sản lượng thuỷ sản 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 6.763,64 tấn, tăng 6,54% (tăng 414,93 tấn) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng nuôi trồng 6.179,59 tấn tăng 6,7% (tăng 387,8 tấn) so với cùng kỳ năm trước và chiếm 91,36% trong tổng số sản lượng thủy sản.

**3. Sản xuất công nghiệp**

*Thời tiết khô hạn, hậu quả dịch Covid-19 kéo dài, một số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã gặp nhiều khó khăn do thiếu đơn hàng, đầu ra của sản phẩm hạn chế, chi phí đầu vào tăng, đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 5,25% thấp hơn nhiều mức (tăng 11,06%) của cùng kỳ năm trước.*

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, chỉ số công nghiệp toàn ngành tăng 5,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành công nghiệp, ngành khai khoáng tăng 13,82%, đóng góp 1,66 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 11,38%, đóng góp 7,31 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện giảm 22,79%, làm giảm 3,82 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 5,89%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm.

Một số sản phẩm chính có chỉ số sản xuất cộng dồn đến cuối tháng 6/2023 tăng cao so với cùng kỳ là: Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết tăng 21,63%; đá phiến tăng 15,95%; chè tăng 11,66%; bao bì và túi bằng giấy tăng 11,17%; giấy làm vàng mã tăng 9,24%; sơn và véc ni tăng 24,6%; xi măng tăng 15,79%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên hay nhân tạo tăng 61,67%; các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác chưa được phân vào đâu tăng 33,14%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại tăng gần 1 lần; điện thương phẩm tăng 6,01%; nước uống được tăng 6,49%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế tăng 5,15%;…Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ như: Quặng chì và tinh quặng chì giảm 37,36%; tinh bột sắn giảm 21,54%; vỏ bào, dăm gỗ giảm 30,66%; gỗ lạng giảm 13,54%; ván ép từ gỗ giảm 5,52%; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu giảm 5,24%; thanh, que bằng thép hợp kim rỗng giảm 34,59%; dịch vụ sản xuất cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại giảm 43,78%; dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc giảm 13,6%; điện sản xuất giảm 28,13%;...

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6/2023 có mức tiêu thụ giảm 1,37% so với tháng trước, giảm 3,96% so với tháng 6/2022, cộng dồn 6 tháng năm 2023 tăng 8,86% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó**[[1]](#footnote-1)**:

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6/2023 tăng 0,89% so với tháng trước, giảm 5,48% so với tháng 6/2022, một số sản phẩm có mức tồn kho tăng cao so với tháng cùng kỳ là**[[2]](#footnote-2)**:

**4. Tình hình doanh nghiệp**

***4.1. Đăng Ký doanh nghiệp*[[3]](#footnote-3)**

Tính chung 6 tháng đã thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 173 doanh nghiệp (Tăng 12,3% so cùng kỳ, đạt 52,4% so với kế hoạch) với tổng số vốn đăng ký là 1.656,042tỷ đồng, trong đó: Doanh nghiệp tư nhân: 05 DN, vốn đầu tư: 9,5 tỷ đồng; Công ty TNHH 1 thành viên: 120 DN, vốn điều lệ: 690,475 tỷ đồng; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên: 22 DN, vốn điều lệ: 144 tỷ đồng; Công ty cổ phần: 26 DN, vốn điều lệ: 812,067 tỷ đồng. Tổng số 6 tháng có 25 doanh nghiệp giải thể.

*Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn:* 3.107 doanh nghiệp, trong đó: Công ty TNHH 2.003 doanh nghiệp; Công ty cổ phần 682 doanh nghiệp; Doanh nghiệp tư nhân 361 doanh nghiệp; Doanh nghiệp FDI 48 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (ĐP quản lý) 10 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (TW quản lý) 03 doanh nghiệp.

***4.2. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp***:

*Doanh nghiệp chế biến, chế tạo:* Kết quả điều tra về xu hướng sản xuất kinh doanh (SXKD) của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý II/2023 so với quý trước, có 28,07% doanh nghiệp có kết quả SXKD tốt lên, 35,09% doanh nghiệp giữ nguyên và 36,84% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn. Dự báo quý III/2023 SXKD của các doanh nghiệp chế biến chế tạo tốt hơn so với quý II/2023, cụ thể: có tới 40,35% doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh tốt lên, 36,84% doanh nghiệp giữ nguyên và 22,81% % doanh nghiệp gặp khó khăn hơn.

*Doanh nghiệp xây dựng:* Kết quả điều tra xu hướng SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý II/2023 so với quý trước, có 32,3% doanh nghiệp có kết quả SXKD thuận lợi hơn, 22,5% doanh nghiệp giữ ổn định và 45,2% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn. Dự báo SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý III/2023 khởi sắc hơn so với quý trước, cụ thể: Có 41,9% doanh nghiệp có kết quả SXKD thuận lợi hơn, 22,6% doanh nghiệp giữ ổn định và 35,5% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn (chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài nhà nước).

**5. Hoạt động thương mại, dịch vụ**

*Sáu tháng đầu năm có kỳ nghỉ tết Nguyên đán, lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5, với nhiều ngày nghỉ lễ dài nên diễn biến thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Yên Bái khá sôi động, hàng hóa phục vụ phong phú, chất lượng bảo đảm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Các đơn vị kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh đã có kế hoạch nghiên cứu diễn biến trên thị trường, chủ động xây dựng phương án kinh doanh, tập trung nguồn hàng phục vụ kịp thời nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng khá so với cùng kỳ.*

***5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dung***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội 6 tháng đầu năm ước đạt 12.888,9 tỷ đồng, tăng 12,49% so cùng kỳ. Trong đó: Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 10.794,8 tỷ đồng, tăng 9,62% so cùng kỳ năm trước; doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 1.033,3 tỷ đồng, tăng 26,24%; doanh thu lưu trú, ăn uống, lữ hành đạt 1.060,8 tỷ đồng, tăng 34,06% so cùng kỳ năm trước.

***5.2. Tình hình vận tải***

Doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 968,5 tỷ đồng, tăng 44,08% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:Doanh thu vận tải hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023 đạt 707,7 tỷ đồng, tăng 43,03% so cùng kỳ năm trước; đạt 6.627,9 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 43,0% so cùng kỳ năm trước và luân chuyển 180.417,2 nghìn tấn.km, tăng 44,14% so cùng kỳ năm trước; Doanh thu vận tải hành khách 6 tháng đầu năm 2023 đạt 231,8 tỷ đồng, tăng 45,93% so vùng kỳ năm trước, đạt 4.857,7 nghìn người khách vận chuyển, tăng 41,63% so cùng kỳ năm trước và luân chuyển 327.763,9 nghìn người khách.km, tăng 41,59% so với cùng kỳ năm trước.

***5.3. Hoạt động xuất, nhập khẩu*[[4]](#footnote-4)**

*Xuất khẩu:* Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 151,69 triệu USD, tăng 4,0% so với cùng kỳ, bằng 43,34% kế hoạch năm. Nhìn chung, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp tiếp tục duy trì, các doanh nghiệp xuất khẩu chủ động xây dựng kế hoạch và phương án sản xuất, kinh doanh. Nhóm hàng nông, lâm sản chế biến đạt 70,84 triệu USD, tăng 31% so cùng kỳ; Nhóm hàng công nghiệp và chế biến khoáng sản đạt 33,1 triệu USD, giảm 14%; Nhóm sản phẩm may mặc đạt 29,73 triệu USD, giảm 11%;…

*Nhập khẩu:* Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 52 triệu USD, tăng 27,0% so với cùng kỳ, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là phụ liệu may mặc, một số sản phẩm cho ngành gỗ;...

**6. Vốn đầu tư**

*Trong quý II/2023, các công trình trọng điểm có vốn đầu tư lớn được khởi công và khẩn trương thi công trên địa bàn tỉnh, vốn đầu tư thực hiện tăng mạnh so với quý trước và tăng khá so với cùng kỳ năm trước đã góp phần giúp tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện tăng 5,67% so với cùng kỳ.*

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023 đạt 7.601 tỷ đồng, đạt 38,01% kế hoạch năm 2023, tăng 5,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khu vực Nhà nước trên địa bàn ước đạt 2.264 tỷ đồng, chiếm 29,79% tổng số, đạt 35,66% kế hoạch năm 2023, tăng 11,63% so với cùng kỳ; Khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 5.097 tỷ đồng, chiếm 67,05% tổng số, đạt 39,51% kế hoạch năm 2023, tăng 3,46% so với cùng kỳ; Khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 240 tỷ đồng, chiếm 3,16% tổng số, đạt 32,02% kế hoạch năm 2023, tăng 0,69% so với cùng kỳ.

Trong toàn bộ các ngành kinh tế, các ngành chiếm tỷ trọng đầu tư lớn trong 6 tháng đầu 2023 là: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 14,52% (chủ yếu là đầu tư cho thủy lợi); khai khoáng 8,4% (chủ yếu là khai thác đá, quặng sắt) công nghiệp chế biến, chế tạo 12,3% (chủ yếu là các dự án chế biến bột đá, hạt nhựa phụ gia, may mặc, chế biến gỗ); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí 10,0% (các dự án thủy điện); vận tải, kho bãi 12,77% (các dự án về giao thông); hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc 4,89%; giáo dục và đào tạo 3,97%; y tế và hoạt động cứu trợ xã hội 3,54%; hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình 27,02% (chủ yếu là đầu tư xây dựng nhà ở trong dân).

***7. Thu chi Ngân sách[[5]](#footnote-5)***

*Những tháng đầu năm 2023,* *hậu quả* *dịch bệnh Covid-19 kéo dài làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động xuất, nhập khẩu; thị trường bất động sản trầm lắng từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn. Nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước tập trung bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, y tế, quản lý Nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia.*

Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt trên 1.494,6 tỷ đồng, bằng 46,6% dự toán Trung ương giao, bằng 28,7% dự toán tỉnh giao và bằng 75,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu cân đối ngân sách là 1.027,3 tỷ đồng, bằng 51,4% dự toán Trung ương, bằng 41,1% dự toán tỉnh giao và bằng 86,2% so với cùng kỳ. Thu tiền thuê đất trả tiền một lần là 17,4 tỷ đồng, bằng 11,6% dự toán tỉnh giao và bằng 55,5% so với cùng kỳ. Thu xổ số kiến thiết là 22,0 tỷ đồng, bằng 62,9% so với dự toán Trung ương giao, bằng 55,1% dự toán tỉnh giao và bằng 85,3% so với cùng kỳ. Thu tiền sử dụng đất là 300,6 tỷ đồng, bằng 37.6% dự toán Trung ương giao, bằng 14,7% dự toán tỉnh giao và bằng 51,8% so với cùng kỳ. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 127,2 tỷ đồng, bằng 33,9% dự toán Trung ương, bằng 27,7% dự toán tỉnh giao và bằng 83,4% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 7.057,0 tỷ đồng, bằng 57,7% dự toán Trung ương giao, bằng 50,1% dự toán tỉnh giao và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 2.545,6 tỷ đồng, bằng 171,3% dự toán Trung ương giao, bằng 91,9% dự toán tỉnh giao và tăng 29,1% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 2.991,0 tỷ đồng, bằng 39,6% dự toán Trung ương, bằng 38,6% dự toán tỉnh giao và tăng 0,2% so với cùng kỳ. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,2 tỷ đồng, bằng 100% dự toán trung ương, dự toán tỉnh và cùng kỳ. Chi bổ sung có mục tiêu đạt 1.515,1 tỷ đồng, bằng 50,3% so với dự toán trung ương, bằng 51,8 dự toán tỉnh giao, gấp 1,89 lần so với cùng kỳ.

**8. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ**

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)* tháng 6/2023 so với tháng trước tăng 0,43%, so với cùng kỳ năm trước giảm 0,03%, so với tháng 12 năm trước giảm 1,78%, bình quân từ đầu năm so với cùng kỳ tăng 2,06%.

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 6 nhóm chỉ số giá tăng là: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 1,18%); may mặc, mũ nón, giầy dép (tăng 0,02%); nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (tăng 0,31%); thiết bị và đồ dùng gia đình (tăng 0,28%); văn hóa, giải trí và du lịch (tăng 1,27%); hàng hóa và dịch vụ khác (tăng 0,22%). Có 5 nhóm hàng chỉ số giá giảm: Đồ uống và thuốc lá (giảm 0,57%); thuốc dịch vụ y tế (giảm 0,12%); giao thông (giảm 0,45%); bưu chính viễn thông (giảm 0,01%); giáo dục (giảm 0,04%).

*Chỉ số giá vàng:* Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, giá vàng có chiều hướng giảm, bình quân giá vàng tháng 6/2023 giảm 0,75% so với tháng trước, giá vàng 9999 bán ra trên thị trường tư nhân giao động quanh mức là 5.605.565 đồng/chỉ.

*Chỉ số giá đô la Mỹ:* Tỷ giá giữa VND và USD tháng 6/2023 theo hệ thống Ngân hàng Thương mại so với tháng trước tăng 0,09%, giá đô la Mỹ ở quanh mức là 23.697 đồng/USD.

**9. Một số lĩnh vực xã hội**

*Từ đầu năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường và tác động, ảnh hưởng ngày càng nặng nề đến người dân. Song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nên tình hình kinh tế - xã hội tỉnh đạt được một số kết quả nhất định; công tác an sinh xã hội, bảo đảm đời sống dân cư tiếp tục được quan tâm; an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; các chính sách xã hội và chính sách đối với người có công, gia đình thuộc diện chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời... góp phần ổn định xã hội và giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực.*

***a) Về lao động và việc làm, đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội***

*- Giải quyết việc làm:* 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 12.930 lao động, đạt 66,3% kế hoạch, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 6.291 người, vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 1.297 người, xuất khẩu lao động 147 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 5.195 người.

*- Công tác quản lý, giải quyết Bảo hiểm thất nghiệp:* 6 tháng đầu năm 2023, đã giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 1.878 người với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp là 29,69 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 17 người, với số tiền 94 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 1.939 người.

*- Công tác giảm nghèo:*

Chính sách tín dụng ưu đãi: Hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã giải ngân cho vay các nguồn tín dụng chính sách đối với 12.654 lượt hộ gia đình với tổng doanh số cho vay trên 619,960 tỷ đồng. Trong đó, số khách hàng được vay các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo là 6.945 hộ với tổng số vốn cho vay là 497,29 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế: Toàn tỉnh đã đóng hoặc hỗ trợ một phần kinh phí tham gia bảo hiểm y tế cho 358.587 đối tượng là người nghèo, cận nghèo, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn… với tổng kinh phí thực hiện là 347,373 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ tiền điện: Các địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho 30.952 hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí 10,228 tỷ đồng. Trong đó số đã chi trả cho các hộ dân là 5,1 tỷ đồng, số tiền còn lại các địa phương dự kiến sẽ chi trả trong thời tháng 7/2023.

Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc các cơ sở giáo dục tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn, học sinh là người khuyết tật với tổng số 108.183 lượt học sinh, kinh phí thực hiện trên 144,523 tỷ đồng.

Hỗ trợ về nhà ở: Đến giữa tháng 6/2023, toàn tỉnh đã khởi công xây dựng 183 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

*- Công tác người có công:* Đến hết ngày 15/6/2023, toàn tỉnh đã thẩm định, giải quyết chế độ chính sách cho 4.878 lượt hồ sơ người có công, đảm bảo kịp thời, đúng qui định; dịp Tết Nguyên đán Quý Mão đã tặng cho người có công và thân nhân tổng số 18.213 suất quà, kinh phí thực hiện 5.587,9 triệu đồng.

*- Cứu trợ đột xuất:*

Các địa phương đã rà soát, chủ động nguồn lực tại chỗ để hỗ trợ gạo cứu đói cho 1.149 hộ (3.441 khẩu) với 51.315kg gạo trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão; 792 hộ (2.490 khẩu) số gạo là 37.350 kg gạo trong dịp giáp hạt, đảm bảo trên địa bàn tỉnh không có hộ dân bị thiếu đói do thiếu lương thực.

Hỗ trợ khẩn cấp cho 24 cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại về người và nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn rủi ro bất khả kháng với tổng kinh phí 562 triệu đồng.

*- Cứu trợ thường xuyên:*

Đảm bảo cấp đầy đủ, đúng thời hạn, đúng chính sách trợ cấp thường xuyên cho 31.231 đối tượng bảo trợ xã hội. Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng 6 tháng đầu năm 2023 là trên 96,5 tỷ đồng.

Thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, an toàn 152 đối tượng tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

***b) Y tế, văn hóa và thể thao***

**\* Tình hình dịch bệnh**

*- Dịch bệnh COVID-19: Tính từ ngày 13/01/2023 đến ngày 13/6/2023*

Số ca mắc COVID-19 trong 6 tháng đầu năm 2023 là 4.266 ca.

Công tác tiêm chủng vắc xin, đến nay đã có 733.718 người từ 5 tuổi trở lên được tiêm vắc xin phòng COVID-19, trong đó: Người từ 18 tuổi trở lên: >99% người có mặt tại đại phương đã tiêm đủ liều cơ bản; 94,6% người tiêm mũi 3, 99,4% tiêm mũi 4 trong tổng số đối tượng phải tiêm. Trẻ từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi: >99% trẻ đã tiêm đủ liều cơ bản; 79,6% trẻ đã tiêm đủ liều nhắc lại - mũi 3. Trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi: >99% trẻ đã tiêm mũi 1; 90,2% trẻ tiêm đủ 2 mũi vắc xin.

*- Dịch bệnh lưu hành, nhóm B:*

Ghi nhận 01 ca tử vong do Dại tại xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tương đương so với cùng kỳ năm 2022, Ghi nhận 01 trường hợp Uốn ván sơ sinh tại xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ.

Báo cáo ổ dịch: ghi nhận 23 ổ dịch bệnh truyền nhiễm tại 6/9 huyện, TX, TP với 403 ca mắc. Các ổ dịch đều được phát hiện xử lý kịp thời. Hiện còn 01 ổ dịch thủy đậu tại trường TH Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn đang hoạt động.

**\* Hoạt động y tế dự phòng**

*Phòng chống HIV/AIDS:* Số HIV mới phát hiện: 26 (lũy tích: 4.487; số mắc bệnh AIDS mới: 1 (lũy tích: 2.643); số tử vong mới: 07 (lũy tích: 2.178). Số người nhiễm HIV còn sống được quản lý: 1.877. Đang điều trị ARV: 1.659 người, đạt 98,2% kế hoạch. *(Số liệu lũy tích thay đổi do thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu trên phầm mềm HIV info 4.0. Đã xóa 96 trường hợp nhiễm HIV, 83 trường hợp mắc bệnh AIDS và bổ sung 01 người tử vong do AIDS.)*

*Phòng chống Lao:* Trong kỳ đã khám cho 11.208 bệnh nhân. Số phát hiện lao thu nhận là 118. Số phát hiện có bằng chứng vi khuẩn học: 73.

**\* An toàn thực phẩm**

Trong 6 tháng đầu năm ghi nhận 03 vụ ngộ độc thực phẩm tại huyện Trạm Tấu, Văn Chấn, Mù Cang Chải với 23 người mắc, 01 người tử vong ở huyện Trạm Tấu (nguyên nhân do uống nhiều rượu, sặc chất nôn). Tăng 02 vụ so với cùng kì năm 2022.

**Văn hóa, thể thao và du lịch:**

- Trung tâm Văn hóa tỉnh: Kết quả thực hiện dự kiến 6 tháng đầu năm, tổ chức được 68 buổi biểu diễn chuyên nghiệp (đạt 56,6% KH), trong đó có 45 buổi phục vụ vùng cao (đạt 75% KH); ước số lượt người xem là 62.500 người (đạt 31% KH). Dàn dựng vở mới: 01 (đạt 100% KH); hoạt động của các câu lạc bộ đạt 235 buổi (đạt 67% KH); tổ chức 27 buổi tuyên truyền lưu động (19,2% KH); 165 buổi chiếu phim (đạt 41,3% KH), trong đó có 135 buổi phục vụ vùng cao (đạt 38,6% KH), số buổi chiếu phim tại rạp 25 buổi; lồng tiếng dân tộc 06 phim (đạt 50% KH). Tổ chức được 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (đạt 50% KH) với 125 học viên tham gia.

- Bảo tàng tỉnh: 6 tháng đầu năm 2023, đã đón hơn 39.700 lượt khách thăm quan tại Bảo tàng (trong đó 236 lượt khách quốc tế). Tổ chức nghiên cứu, đào thám sát, khai quật 01 cuộc (đạt 100% KH); sưu tầm bổ sung 65 hiện vật (đạt 65% KH). Trưng bày, triển lãm 05 cuộc1. Bảo quản phòng ngừa 600 hiện vật (đạt 66,66% KH) và 50 hiện vật bảo quản trị liệu (đạt 100% KH).

- Thư viện tỉnh: 6 tháng đầu năm 2023, bổ sung 3.857 bản sách từ nguồn ngân sách cấp (đạt 48,2% KH). Xử lý kĩ thuật tài liệu 1.932 tài liệu (đạt 68% KH). Xây dựng 25.199 cơ sở dữ liệu (đạt 61,3% KH), trong đó tài liệu số hóa 23.203 tài liệu, tài liệu số 1.996 tài liệu. Xây dựng bộ máy tra cứu tài liệu 7.477 tài liệu (đạt 43,9% KH). Cung cấp thông tin, tài liệu tại thư viện và phục vụ bạn đọc ngoài thư viện 143.294 thẻ / tài liệu (đạt 71,8% KH). Bảo quản, sưu tầm, phục chế tài nguyên thông tin thư viện 391.249 tài liệu (đạt 130% KH). Biên soạn thư mục, trưng bày triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách báo, tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ chính trị 129 thư mục / tài liệu (đạt 92% KH).

Hoạt động của xe Thư viện lưu động: Đi phục vụ tại cơ sở 93 buổi (đạt 64% KH). Số lượt bạn đọc 31.392 lượt.

Về thể thao thành tích cao: 6 tháng đầu năm đào tạo 50 VĐV đội tuyển tỉnh (đạt 100%KH); 60 VĐV đội tuyển trẻ tỉnh (đạt 100%KH); 30 VĐV đội tuyển năng khiếu (đạt 100%KH); 31 VĐV có đẳng cấp (đạt 100%KH); 09 kiện tướng (đạt 100%KH); 22 VĐV cấp I (đạt 100%KH); Tính đến 18/6: Tổng số huy chương đạt được 24 huy chương (trong đó 03 HCV; 07 HCB; 14 HCĐ).

Về công tác thể dục thể thao quần chúng: Tổng số huy chương đạt được tính đến ngày 18/6: 04 huy chương (trong đó: 02 HCV; 02 HCĐ).

Trong 6 tháng đầu năm toàn ngành du lịch ước đón phục vụ được 1.036.255 lượt (đạt 69% kế hoạch; tăng 28,3% so với cùng kỳ); khách quốc tế đạt 40.000 lượt (đạt 26,7% KH); doanh thu ước đạt 830,785 tỷ đồng (đạt 61,5% kế hoạch, tăng 58,5% so với cùng kỳ)

***c) Tai nạn giao thông***

Tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông được kiểm chế, đặc biệt tai nạn giao thông có nguyên nhân do rượu bia gây ra. Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông (đường bộ 40 vụ) làm chết 14 người, 37 người bị thương; so với cùng kỳ giảm 10 vụ, giảm 6 người chết, giảm 17 người bị thương.

***d) Thiệt hại do thiên tai***

Tính từ đầu năm đến hết ngày 18/6/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 05 vụ thiệt hại thiên tai trong đó 1 vụ do lốc xoáy cục bộ, 4 vụ do mưa to kèm dông lốc; giảm 04 vụ với cùng kỳ năm trước. Làm 01 người chết; 06 nhà bị sập, cuốn trôi và 880 nhà bị hư hại; 323,4 ha lúa bị thiệt hại, 483,06 ha hoa màu bị thiệt hại; 81,2 ha lâm nghiệp bị thiệt hại; 0,108 ha thủy sản bị thiệt hại; 6 con gia súc, 180 con gia cầm bị chết, bị cuốn trôi. Ước tổng giá trị thiệt hại về tài sản 15,42 tỷ đồng.

**II. GIẢI PHÁP**

Tiếp tục khắc phục khó khăn và phát huy những kết quả đạt được, thời gian tới các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh cần chú trọng những nội dung chủ yếu sau:

Thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tranh thủ thời tiết thu hoạch lúa Đông Xuân và thu hoạch các cây trồng vụ Xuân khác để giải phóng đất cho sản xuất vụ Mùa. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, bảo vệ tốt diện tích chè, cây ăn quả, cây dâu hiện có và thực hiện tốt các biện pháp làm đất, chuẩn bị cây giống để trồng mới trong vụ Mùa đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao, nhất là các vùng chuyên canh, tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Hướng dẫn bà con nông dân diệt trừ chuột, phòng trừ kịp thời sâu bệnh cây lúa như: bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, ruồi đục nõn, tập đoàn rầy. Chú trọng công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng mùa khô hanh. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng năm 2023. Chủ động phòng chống thiên tai, giảm tối thiểu thiệt hại khi có thiên tai xẩy ra trên địa bàn.

Đối với sản xuất công nghiệp, các ngành, các cấp có liên quan có biện pháp thiết thực, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp về nguồn vốn, hỗ trợ trong xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm sản xuất; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thu hút đầu tư. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án: Sản xuất, chế biến chì – kẽm, đồng, khai khác chế biến đá vôi trắng, luyện gang thép, các dự án thuỷ điện, điện mặt trời, chế biến gỗ chất lượng cao,… để nhanh chóng hoàn thành đi vào sản xuất,...

Về thương mại, dịch vụ: Triển khai hiệu quả các chương trình kích cầu tiêu dùng trong nước như: Chương trình khuyến mại năm, các chương trình bán hàng lưu động, chương trình bình ổn thị trường…; thực hiện có hiệu quả đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025.

Để đảm bảo hoàn thành tiến độ triển khai thực hiện, tiến độ giải ngân các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo đúng kịch bản đã phê duyệt: (1) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt các nhóm giải pháp theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ (về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội); Chương trình hành động số 135-CTr/TU ngày 18/11/2022 của Tỉnh ủy (về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023); Văn bản số 186/UBND-XD ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện kịch bản giải ngân các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2023. (2) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công; quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, đặc biệt đối với các dự án, công trình trọng điểm và các dự án có mức vốn giao kế hoạch lớn; Thường xuyên tổ chức kiểm tra, chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình xây dựng, chậm giao nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án. (3) Phấn đấu tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đến hết Quý III năm 2023 giải ngân tối thiểu đạt 75%; đến hết Quý IV năm 2023 giải ngân đạt trên 95% kế hoạch; đến hết ngày 31/01/2024 đạt 100% kế hoạch./.

**CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI**

1. Một số sản phẩm có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Tinh bột sắn tăng 51,19%; quần áo các loại tăng 11,64%; gỗ lạng tăng 8,45%; bao bì bằng túi giấy tăng 20,25%; sơn và véc ni tăng 21,67%; xi măng tăng 15,51%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại tăng hơn 1 lần;...Các sản phẩm có chỉ số tiêu thụ giảm so với cùng kỳ năm trước là: Chè giảm 5,85%; vỏ bào, dăm gỗ giảm 30,73%; ván ép từ gỗ giảm 29,21%; giấy làm vàng mã giảm 16,21%; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu giảm 4,75%; các loại đá lát, đá lát lề đường giảm 23,83%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên giảm 17,27%;... [↑](#footnote-ref-1)
2. Chè tăng 14,65%; ván ép tăng 1,6 lần; giấy làm vàng mã tăng 9,9 lần; xi măng tăng gần 81,79%; các loại đá lát, đá lát lề đường tăng 17,28%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên tăng 44,2%;...Các ngành có mức tồn kho giảm như: Tinh bột sắn giảm 58,16%; bộ quần áo các loại giảm gần 1 lần; gỗ lạng giảm 23,72%; bao bì và túi bằng giấy giảm 49,45%; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu giảm 71,3%;... [↑](#footnote-ref-2)
3. Nguồn: báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư [↑](#footnote-ref-3)
4. Nguồn: Sở Công thương [↑](#footnote-ref-4)
5. Nguồn: Sở Tài chính [↑](#footnote-ref-5)